

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Của: CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI ĐÔNG ĐÔ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012



<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Giám đốc	2-4
Báo cáo kiểm toán	5
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán gồm:	
Bảng cân đối kế toán	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 - 32

10/10  
FB  
11/11

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hàng Hải Đông Đô (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hàng Hải Đông Đô được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Hàng Hải Đông Đô theo Quyết định số 2315 ngày 30/10/2006 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015196 ngày 25/12/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và đã được thay đổi lần 2 ngày 10/6/2009.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại tầng 19, Tháp Hòa Bình, số 106 Hoàng Quốc Việt, Hà Nội.

### Công ty có cơ cấu tổ chức như sau:

- Văn phòng Công ty.
- Các đơn vị trực thuộc, bao gồm:

#### Tên đơn vị phụ thuộc

#### Địa chỉ

Trung tâm thuyền viên

Số 47 Lương Khánh Thiện, Hải Phòng

Chi nhánh Hải Phòng

Số 21, Võ Thị Sáu, Hải Phòng

Chi nhánh Hồ Chí Minh

62Bis, Huỳnh Thúc Kháng, Quận 1, TP.HCM

### Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0103015196 ngày 25/12/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và đã được thay đổi lần 2 ngày 10/6/2009, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Vận chuyển hàng hóa bằng đường thủy;
- Đại lý xăng dầu và vật tư kỹ thuật, sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng xe máy và các phương tiện thiết bị kỹ thuật thủy bộ khác;
- Đại lý hàng hóa;
- Kinh doanh xếp dỡ kho và bãi cảng;
- Kinh doanh thiết bị vật tư hàng hóa;
- Trục vớt cứu hộ;
- Đại lý tàu biển và môi giới hàng hải;
- Tổ chức nạo vét vùng nước cảng và khu vực lân cận, kết hợp tận thu đất cát sản phẩm trong quá trình nạo vét;
- Khai thác vật liệu xây dựng các loại;
- Xây dựng các công trình dân dụng, kho tàng, bến bãi thuộc nhóm C;
- Xây lắp các cấu kiện công trình; Khai thác vật liệu xây dựng các loại;
- Xây dựng các công trình dân dụng, kho tàng, bến bãi thuộc nhóm C;
- Xây lắp các cấu kiện công trình;
- Thi công nền móng mặt bằng đường bộ, đào đắp, san lấp mặt bằng, tạo bãi và các dịch vụ xây dựng cơ bản khác;
- Đại lý môi giới và vận chuyển hàng hóa;
- Vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ;
- Kinh doanh dịch vụ nhà hàng và du lịch lữ hành;

- Cung ứng thuyền viên (không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);
- Đào tạo bổ sung, tu nghiệp định kỳ, bồi dưỡng nâng cao trình độ, cập nhật kiến thức, kỹ năng cho thuyền viên.

Vốn điều lệ của Công ty là : 122.444.950.000 đồng (Một trăm hai mươi hai tỷ, bốn trăm bốn mươi bốn triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng).

Mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu tương đương 12.244.495 cổ phần

### **KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Lỗ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 69.141.374.563 VND (Lãi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 183.898.444 VND)

Lỗ lũy kế tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012 là 127.021.706.799 VND (Lỗ lũy kế tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011 là 57.044.292.236 VND).

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc điều hành Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Tạ Hòa Bình	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Quế Dương	Phó chủ tịch HĐQT
Ông Bùi Minh Hưng	Ủy viên HĐQT
Ông Nguyễn Duy Luân	Ủy viên HĐQT
Ông Nguyễn Thế Hưng	Ủy viên HĐQT
Ông Trần Văn Nghi	Ủy viên HĐQT
Ông Đoàn Minh An	Ủy viên HĐQT

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Bùi Minh Hưng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Luân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Nghi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Cao Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc

#### **Các thành viên Ban kiểm soát**

Ông Nguyễn Văn Lục	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Hoàng Thị Hồng Thái	Thành viên
Ông Nguyễn Như Dân	Thành viên

## KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Hàng Hải Đông Đồ đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán ASC. Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

### Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC, ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường Chứng khoán.

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2013

TM. Ban Giám đốc

Tổng Giám đốc



Bùi Minh Hưng

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012  
của Công ty Cổ phần Hàng Hải Đông Đô*

**Kính gửi:** Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Hàng Hải Đông Đô

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Hàng Hải Đông Đô được lập ngày 25 tháng 01 năm 2013 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được trình bày từ trang 06 đến trang 32 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo Tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hàng Hải Đông Đô tại ngày 31/12/2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, số lỗ lũy kế của Công ty tại thời điểm 31/12/2012 là 127.021.706.799 đồng vượt quá tổng nguồn vốn chủ sở hữu 33.241.481.824 đồng; Nợ ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2012 là 284.370.953.565 đồng vượt quá tổng tài sản ngắn hạn (44.582.422.506 đ) với số tiền là 239.788.531.059 đồng. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào khả năng sinh lời trong tương lai và sự tiếp tục hỗ trợ tài chính từ các chủ sở hữu vốn. Báo cáo tài chính này không bao gồm sự đảm bảo chắc chắn về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ASC

  
TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY  
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
KIỂM TOÁN  
ASC  
Lê Quang Đức  
Chứng chỉ KTV số : 0164 /KTV

Hà Nội, ngày 07 tháng 03 năm 2013  
Kiểm toán viên

  
Lê Phương Anh  
Chứng chỉ KTV số: 0739/KTV

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>44.582.422.506</b>	<b>58.248.612.705</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>3.106.631.271</b>	<b>20.657.344.998</b>
1. Tiền	111		2.106.631.271	19.553.071.056
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.000.000.000	1.104.273.942
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>		
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*)	129			
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>21.727.427.849</b>	<b>21.736.103.168</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		11.661.043.387	11.034.927.779
2. Trả trước cho người bán	132		5.838.868.238	4.905.684.848
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ HĐXD	134			
5. Các khoản phải thu khác	138	<b>V.03</b>	4.833.920.892	5.970.424.059
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(606.404.668)	(174.933.518)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>13.696.346.127</b>	<b>11.766.837.544</b>
1. Hàng tồn kho	141	<b>V.04</b>	13.696.346.127	11.766.837.544
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>6.052.017.259</b>	<b>4.088.326.995</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		490.283.505	626.021.809
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.205.136.095	841.127.522
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	<b>V.05</b>	1.991.866	1.991.866
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		2.354.605.793	2.619.185.798
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.206.297.772.834</b>	<b>1.247.242.531.004</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh của các đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213	<b>V.06</b>		
4. Phải thu dài hạn khác	218	<b>V.07</b>		
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng Báo cáo tài chính

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.172.829.357.664</b>	<b>1.197.656.305.315</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	1.155.807.839.674	1.180.634.787.325
- Nguyên giá	222		1.490.083.060.195	1.489.551.656.421
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(334.275.220.521)	(308.916.869.096)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09		
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10		
- Nguyên giá	228		18.000.000	18.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(18.000.000)	(18.000.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	17.021.517.990	17.021.517.990
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>V.12</b>		
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.13</b>	<b>31.955.899.302</b>	<b>42.984.110.160</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		59.800.000.000	59.800.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258			
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	259		(27.844.100.698)	(16.815.889.840)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.512.515.868</b>	<b>6.602.115.529</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	437.085.868	5.526.685.529
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21		
3. Tài sản dài hạn khác	268		1.075.430.000	1.075.430.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.250.880.195.340</b>	<b>1.305.491.143.709</b>



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012  
(Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.284.121.677.164</b>	<b>1.275.005.292.020</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>284.370.953.565</b>	<b>335.287.507.723</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	29.819.656.274	130.367.142.376
2. Phải trả người bán	312		46.273.383.419	57.002.828.036
3. Người mua trả tiền trước	313		427.565.623	363.683.562
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	2.782.075.550	6.527.790.519
5. Phải trả công nhân viên	315		12.935.694.065	7.659.219.172
6. Chi phí phải trả	316	V.17	181.364.682.270	123.050.370.515
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo kế hoạch tiến độ HĐXD	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.18	10.766.652.454	10.315.229.633
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		1.243.910	1.243.910
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>999.750.723.599</b>	<b>939.717.784.297</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333		60.000.000	50.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	998.856.724.477	935.062.706.584
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		833.999.122	4.605.077.713
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>(33.241.481.824)</b>	<b>30.485.851.689</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.22</b>	<b>(33.241.481.824)</b>	<b>30.485.851.689</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		122.444.950.000	122.444.950.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.621.485.000	4.621.485.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(30.000)	(30.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(42.590.147.467)	(48.840.228.517)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		6.202.644.961	6.202.644.961
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.101.322.481	3.101.322.481
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(127.021.706.799)	(57.044.292.236)
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
<b>II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác</b>	<b>430</b>			
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431			
2. Nguồn kinh phí	432			
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.250.880.195.340</b>	<b>1.305.491.143.709</b>

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng Báo cáo tài chính

**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
USD		2.793,79	309.345,66
EUR			
6. Dự toán chi hoạt động			

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ( )

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2013

Người lập biểu

Trần Kim Ân

Kế toán trưởng

Đoàn Minh An

Tổng Giám đốc



Bùi Minh Hưng

**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	00	VI.25	295.766.405.268	355.067.465.604
2. Các khoản giảm trừ	02	VI.26		
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.27	295.766.405.268	355.067.465.604
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	264.608.119.523	230.209.147.678
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		31.158.285.745	124.858.317.926
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	1.055.329.442	1.506.979.628
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	88.673.405.793	122.505.706.314
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		70.911.370.214	
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		19.703.508.309	20.054.421.757
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(76.163.298.915)	(16.194.830.517)
11. Thu nhập khác	31		7.697.733.047	21.969.904.654
12. Chi phí khác	32		354.608.695	993.864.557
13. Lợi nhuận khác	40		7.343.124.352	20.976.040.097
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(68.820.174.563)	4.781.209.580
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	321.200.000	4.597.311.136
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(69.141.374.563)	183.898.444
18. Lãi trên cổ phiếu				15,02

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2013

Người lập biểu

Trần Kim Ân

Kế toán trưởng

Đoàn Minh An

Tổng Giám đốc



Bùi Minh Hưng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Theo phương pháp trực tiếp  
Năm 2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	299.681.627.353	385.149.466.726
2. Tiền chi trả người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(202.455.824.140)	(190.950.300.201)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(40.091.673.865)	(46.668.097.251)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(5.671.397.653)	(30.312.968.215)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(4.918.511.136)	
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	26.548.392.754	23.116.616.660
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(35.750.789.508)	(19.760.777.136)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>37.341.823.805</b>	<b>120.573.940.583</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(599.109.091)	(1.738.782.474)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	210.000.000	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(8.118.700.000)	(5.880.300.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	7.468.700.000	5.140.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	192.478.874	284.360.549
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(846.630.217)</b>	<b>(2.194.721.925)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	4.863.238.225	33.971.052.461
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(58.589.640.509)	(153.410.742.742)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(60.455.800)	(22.509.700)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(53.786.858.084)</b>	<b>(119.462.199.981)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(17.291.664.496)</b>	<b>(1.082.981.323)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>20.657.344.998</b>	<b>21.803.411.970</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>(259.049.231)</b>	<b>(63.085.649)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>3.106.631.271</b>	<b>20.657.344.998</b>

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2013

Người lập biểu



Trần Kim Ân

Kế toán trưởng



Đoàn Minh An

Tổng Giám đốc



Bùi Minh Hưng

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hàng Hải Đông Đô được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Hàng Hải Đông Đô theo Quyết định số 2315 ngày 30/10/2006 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015196 ngày 25/12/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và đã được thay đổi lần 2 ngày 10/6/2009.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại tầng 19, Tháp Hòa Bình, số 106 Hoàng Quốc Việt, Hà Nội.

Công ty có cơ cấu tổ chức như sau:

- Văn phòng Công ty.
- Các đơn vị trực thuộc, bao gồm:

<u>Tên đơn vị phụ thuộc</u>	<u>Địa chỉ</u>
Trung tâm thuyền viên	Số 47 Lương Khánh Thiện, Hải Phòng
Chi nhánh Hải Phòng	Số 21, Võ Thị Sáu, Hải Phòng
Chi nhánh Hồ Chí Minh	62Bis, Huỳnh Thúc Kháng, Quận 1, TP.HCM

Vốn điều lệ của Công ty là : 122.444.950.000 đồng (Một trăm hai mươi hai tỷ, bốn trăm bốn mươi bốn triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng). Mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu tương đương 12.244.495 cổ phần

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Kinh doanh vận tải đường biển.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0103015196 ngày 25/12/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và đã được thay đổi lần 2 ngày 10/6/2009, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Vận chuyển hàng hóa bằng đường thủy;
- Đại lý xăng dầu và vật tư kỹ thuật, sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng xe máy và các phương tiện thiết bị kỹ thuật thủy bộ khác;
- Đại lý hàng hóa;
- Kinh doanh xếp dỡ kho và bãi cảng;
- Kinh doanh thiết bị vật tư hàng hóa;
- Trục vớt cứu hộ;
- Đại lý tàu biển và môi giới hàng hải;
- Tổ chức nạo vét vùng nước cảng và khu vực lân cận, kết hợp tận thu đất cát sản phẩm trong quá trình nạo vét;
- Khai thác vật liệu xây dựng các loại;
- Xây dựng các công trình dân dụng, kho tàng, bến bãi thuộc nhóm C;
- Xây lắp các cấu kiện công trình; Khai thác vật liệu xây dựng các loại;

